

Bản án số: 36/2019/DS-PT

Ngày: 22-4-2019

V/v “Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Nhân

Các Thẩm phán:

Bà Nguyễn Thị Nga

Bà Đinh Thị Quý Chi

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Đào - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa:
Ông Bùi Văn Thi - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 86/2018/DSPT ngày 31 tháng 8 năm 2018 về việc: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 04/2018/DS-ST ngày 16 tháng 5 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện D bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 117/2018/QĐPT-DS ngày 25 tháng 10 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Võ Thị Ánh N, sinh năm: 1976

Địa chỉ: Thôn 3, xã A, huyện B, tỉnh Bình Phước. (Có mặt)

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thanh X, sinh năm: 1984

Địa chỉ: Thôn 2, xã C, huyện D, tỉnh Bình Phước. (Có mặt)

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Phạm H, sinh năm 1969

Địa chỉ: Thôn 3, xã A, huyện B, tỉnh Bình Phước. (Có mặt)

- Ông Lê Thanh B, sinh năm 1982

Địa chỉ: Thôn 2, xã C, huyện D, tỉnh Bình Phước. (Vắng mặt)

4. Người kháng cáo: Bị đơn bà Nguyễn Thanh X.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện ngày 23/10/2017 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Võ Thị Ánh N trình bày:

Trước đây bà N không nhớ cụ thể thời gian bà N có cho bà Nguyễn Thanh X vay tiền nhiều lần, có lãi với thời hạn khác nhau; đến năm 2015 bà X không trả được nên hai bên có viết giấy chốt nợ lại là bà X có vay bà N số tiền 125.000.000 đồng, là tiền gốc, không lãi suất; thỏa thuận bà X trả dần hàng tháng, mỗi tháng trả 2.000.000 đồng cho đến khi kết thúc hết khoản nợ, các giấy nợ trước đó xé bỏ. Quá trình thực hiện đến tháng 8/2017 bà X trả được 29.000.000 đồng. Lần trả tháng 8/2017 (Âm lịch) bà X yêu cầu bà N đưa giấy nợ thì bà X mới trả tiền, khi bà N đưa giấy thì bà X đã lấy và xé bỏ rồi đem đốt, từ đó đến nay bà X không trả tiền như các bên đã thỏa thuận nên bà N yêu cầu bà X trả số nợ còn lại và viết lại giấy nợ cho bà N nhưng bà X không thực hiện. Bà N xác định bà X vay bà N số tiền 125.000.000 đồng, đã trả 29.000.000 đồng, hiện nay bà X còn thiếu lại là 96.000.000 đồng nên yêu cầu bà X trả cho bà N số tiền đã vay còn lại là 96.000.000 đồng. Ngoài ra, bà N không có yêu cầu gì khác.

Bị đơn bà Nguyễn Thanh X trình bày:

Vào ngày 10/10/2014, bà X có vay của bà Võ Thị Ánh N số tiền 20.000.000 đồng với lãi suất 200.000 đồng/ngày, mục đích sử dụng riêng cho bản thân bà. Đến tháng 8/2017 bà X đã trả hết số tiền gốc, còn lại 8.000.000 đồng tiền lãi, hai bên thỏa thuận mỗi tháng trả 2.000.000 đồng. Tháng 9/2017 bà X đã trả 2.000.000 đồng, tháng 10 không trả, đến nay bà X vẫn chưa trả số tiền còn lại là 6.000.000 đồng cho bà N. Ngoài ra, bà X không nợ bà N khoản tiền nào khác nên bà X không đồng ý với yêu cầu khởi kiện buộc bà X phải trả cho bà N số tiền 96.000.000 đồng. Bà X xác định bà không xé giấy nợ như lời trình bày của bà N.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm H trình bày: Việc vợ ông là bà N cho bà X vay tiền, ông không biết cụ thể, chỉ nghe bà N nói lại, ông không chứng kiến việc cho vay, không trực tiếp giao tiền; nguồn tiền bà N cho bà X vay là tài sản chung của vợ chồng tuy nhiên ông đồng ý để mình bà N khởi kiện, đồng ý bà X trả cho bà N, không yêu cầu liên đới trả cho ông H. Ngoài ra, ông H không có ý kiến gì.

Tại Bản án Dân sự sơ thẩm số 04/2018/DS-ST ngày 16 tháng 5 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện D đã quyết định:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Võ Thị Ánh N. Buộc bị đơn bà Nguyễn Thanh X phải có nghĩa vụ trả cho bà Võ Thị Ánh N số tiền là 71.000.000 đồng (bảy mươi một triệu đồng).

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự theo luật định.

Ngày 30/5/2018, bị đơn bà Nguyễn Thanh X có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, không đồng ý với Bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện D.

Tại phiên tòa phúc thẩm bà Võ Thị Ánh N cho rằng việc vay tiền là cả bà X và chồng là ông Lê Thanh B cùng vay. Trong đó, có những lần bà N đưa tiền cho cả hai vợ chồng bà X, ông B. Tuy nhiên, bà N chỉ yêu cầu một mình bà X trả nợ cho bà N.

Bà X thừa nhận việc vay tiền và trách nhiệm trả tiền cho bà N là của bà X, ông B không có liên quan đến việc vay tiền này giữa bà X và bà N.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát xét xử phúc thẩm tại phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, kể từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, sửa một phần Bản án số 04/2018/DS-ST ngày 16 tháng 5 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện D, Bình Phước theo hướng: Buộc ông Lê Thanh B liên đới cùng bà Nguyễn Thanh X trả số tiền 71 triệu đồng cho bà Võ Thị Ánh N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thanh X; Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có tại hồ sơ và được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Theo lời trình bày của nguyên đơn bà Võ Thị Ánh N thì bà N có cho bà X vay tiền nhiều lần nhưng không nhớ thời gian, khi vay có tính lãi và thời hạn khác nhau. Đến năm 2015, bà X không trả được nên hai bên có viết giấy chốt nợ với nội dung bà X có vay bà N 125.000.000 đồng tiền gốc, không lãi suất, thỏa thuận bà X trả dần hàng tháng với số tiền 2.000.000 đồng cho đến hết nợ. Đến tháng 8/2017, bà X đã trả được 29.000.000 đồng nhưng khi bà N đến đòi nợ thì bà X xé giấy vay nợ và đốt nên không cung cấp được cho Tòa án giấy vay nợ này.

[2] Bà X cho rằng bà X chỉ vay bà N số tiền 20 triệu đồng vào ngày 10/10/2014 với lãi suất là 200.000 đồng/ngày, đến tháng 8/2017 bà X đã trả hết tiền gốc, còn lại 6 triệu đồng tiền lãi, ngoài ra bà X không còn nợ bà N khoản tiền nào khác.

[3] Trong quá trình giải quyết tại cấp sơ thẩm bà N cung cấp cho Tòa án 01 USB chứa file ghi âm cuộc đối thoại mà bà N cho rằng giữa bà N với bà X có nội dung bà X đã thừa nhận bà X có nợ bà N 100 triệu đồng tiền gốc và 20 triệu đồng tiền lãi. Tại phiên tòa sơ và phúc thẩm bà X cũng thừa nhận giọng nói trong file ghi âm mà có nội dung bà X thừa nhận nợ bà N 100 triệu đồng tiền gốc và 20 triệu đồng tiền lãi mà bà N cung cấp chính là giọng nói của bà X. Như vậy, việc bà X nợ bà N số tiền 100 triệu đồng tiền gốc và 20 triệu đồng tiền lãi là có thật. Tuy nhiên, bà N

lại cho rằng bà X nợ bà N tiền gốc là 125 triệu đồng chứ không phải là 100 triệu đồng nên yêu cầu bà X phải trả số tiền 125 triệu đồng này cho bà N nhưng bà N lại không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho yêu cầu này. Do đó, chỉ có cơ sở xác định bà X có nợ bà N số tiền 100 triệu đồng tiền gốc và 20 triệu đồng tiền lãi, do bà N không yêu cầu đối với số tiền lãi nên chỉ cần buộc bà X có nghĩa vụ trả cho bà N số tiền 100 triệu đồng tiền gốc là phù hợp. Bà N thừa nhận bà X đã trả cho số tiền 29 triệu đồng nên bà X chỉ còn nợ bà N số tiền 71 triệu đồng như Tòa cấp sơ thẩm nhận định là có căn cứ. Vì vậy cần giữ nguyên bản án sơ thẩm về phần này nên yêu cầu kháng cáo của bà X không được chấp nhận.

[5] Việc Tòa án cấp sơ thẩm không đưa ông Lê Thanh B tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là có thiếu sót. Tuy nhiên, tại phiên tòa bà X thừa nhận trách nhiệm vay và trả tiền cho bà N là của bà X. Bà N cũng chỉ yêu cầu mình bà X phải có nghĩa vụ trả tiền cho bà N nên không cần phải sửa án sơ thẩm buộc ông B phải chịu trách nhiệm liên đới cùng bà X trả tiền cho bà N.

[6] Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước tại phiên tòa là đối với việc xác định bà X còn nợ bà N số tiền 71 triệu đồng là có căn cứ được chấp nhận; đối với đề nghị sửa án sơ thẩm theo hướng buộc ông B liên đới cùng bà X trả cho bà N số tiền 71 triệu đồng không được chấp nhận.

[7] Án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bà Nguyễn Thanh X phải chịu theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thanh X,
Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 04/2018/DS-ST ngày 16 tháng 5 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện D.

Áp dụng Điều 471, Điều 474 Bộ luật dân sự năm 2005,

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Võ Thị Ánh N, buộc bị đơn bà Nguyễn Thanh X phải có nghĩa vụ trả cho bà Võ Thị Ánh N số tiền 71.000.000 đồng (Bảy mươi một triệu đồng).

Kể từ ngày Bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Võ Thị Ánh N phải chịu 1.250.000 đồng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.400.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0021629 ngày 16/11/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện D, tỉnh Bình Phước. Chi cục thi hành án dân sự huyện D hoàn trả lại cho bà N số tiền 1.150.000 đồng.

Bà Nguyễn Thanh X phải chịu 3.550.000 đồng.

3. Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Nguyễn Thanh X phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm 300.000 đồng mà bà X đã nộp theo biên lai thu số 0022153 ngày 27/6/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện D.

Trường hợp Bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Phước;
- TAND huyện D;
- Chi cục THADS huyện D;
- Các đương sự;
- Lưu:HSVA, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Nhân